

Bản án số: 92 /2022/HNGĐ - ST

Ngày: 25/4/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Nguyễn Lương Đức và Hoàng Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXX - ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1994.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện Phú Xuyên, Hà Nội.

Chị Anh có mặt, anh Tiến đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Chị với anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã T, huyện Phú Xuyên. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã T. Vợ chồng chung sống đến tháng 9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, phía anh T vu cho chị ngoại tình rồi thường xuyên đánh đập chị thậm tệ, mỗi ngày chị phải chịu 1 đến 2 trận đòn từ phía anh T, có lần bị anh T đánh đến vỡ đầu... Sự việc cũng đã được chính quyền địa phương can thiệp nhưng phía anh T chỉ được một thời gian lại chứng nào tật ấy, đối xử với chị hết sức cay nghiệt khiến chị phải bỏ về nhà mẹ đẻ và sống ly thân với anh T từ tháng 2/2022 cho đến nay. Sau khi có đơn xin ly hôn, phía anh T một mặt muốn chị quay về đoàn tụ nhưng mặt khác thì tiếp tục đặt điều nói xấu chị và đe dọa, hành hạ các con để gây sức ép... Do xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng không thể hàn gắn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án cho vợ chồng được ly hôn để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Thu H sinh ngày 07/11/2013, Phạm Ngọc H1 sinh 31/10/2015, Phạm Quang T1 sinh 11/5/2018 hiện đều đang ở với anh T. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là

Phạm Ngọc H1, để anh Tiến nuôi dưỡng 2 con chung là Phạm Thu H và Phạm Quang T1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tài sản chung : Vợ chồng hiện có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 90m2 trên đất của bố mẹ anh T, hiện bố mẹ anh T vẫn còn sống. Xác định tài sản trên sau này cũng cho con hết nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng đến nay không nợ nần ai nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Phía bị đơn Phạm Văn T trình bày:

Anh T xác nhận quá trình kết hôn, chung sống vợ chồng như chị A đã trình bày là đúng. Vợ chồng hòa thuận đến tháng 9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau...

Bản thân anh cũng đã nhận sai và xin lỗi nhưng phía chị A vẫn không chịu tha thứ, vợ chồng ly thân nhau từ thán 2/2022 đến nay và đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng đều không thành do phía chị A không muốn hàn gắn tình cảm.

Nay chị A có đơn xin ly hôn, anh cũng xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn song vì các con nên anh không muốn ly hôn. Trường hợp chị A vẫn kiên quyết đòi ly hôn thì anh cũng sẽ không níu kéo.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung theo như chị A đã trình bày. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả 3 con chung và không yêu cầu chị A phải góp phí tốn nuôi con.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: đều không có gì, không nợ nần ai nên anh không đề nghị Tòa giải quyết.

Do phải bận làm ăn nên anh T đề nghị được giải quyết vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa.

Kết quả xác minh tại UBND xã T xác định:

Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 06/11/2012 tại UBND xã T, huyện Phú Xuyên; Quá trình chung sống đến tháng 9/2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau khiến chính quyền địa phương phải can thiệp, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 2/2022 cho đến nay; Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cả hai phía đều xác định tình cảm không còn, hạnh phúc vợ chồng đã tan vỡ...nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A ly hôn anh T; giao chị A nuôi dưỡng con chung là Phạm Ngọc H1, giao anh Tiến nuôi 02 con chung là Phạm Thu H và Phạm Quang T1 là hợp tình hợp lý; các vấn đề về tài sản chung, công nợ chung do các bên không yêu cầu nên không đặt ra.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa có quan điểm:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Các đương sự đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự của mình trong suốt quá trình tố tụng...

Do vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được... đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lan Anh và áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Cho chị Nguyễn Thị Lan A được ly hôn anh Phạm Văn T; giao chị A nuôi dưỡng con chung là Phạm Ngọc H1, giao anh T nuôi 02 con chung

là Phạm Thu H và Phạm Quang T1 là phù hợp; các vấn đề về tài sản chung, công nợ chung do các bên không yêu cầu nên không đặt ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện tranh chấp Hôn nhân và gia đình do bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã T, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội nên TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân:

Tháng 11/2012, chị Nguyễn Thị Lan A kết hôn với anh Phạm Văn T, đây là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Xuyên (Đăng ký kết hôn ngày 06/11/2012). Quá trình chung sống đến tháng 9/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, có lần anh T đánh gây thương tích cho chị A khiến chính quyền địa phương phải can thiệp, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 2/2022 cho đến nay; Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên phía chị A có đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết tại Tòa, phía anh T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nhưng vì các con nên không muốn ly hôn, trường hợp chị A kiên quyết đòi ly hôn thì sẽ không níu kéo... Tại phiên tòa hôm nay, các bên vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị A tự cả hai phía đều xác định đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mặc dù phía anh T có quan điểm không đồng ý ly hôn nhưng lại đưa ra lý do không muốn con cái thiếu thốn tình cảm mà không nhận thức được gốc rễ của hôn nhân là niềm tin, là tình cảm vợ chồng đối với nhau... và khi niềm tin đó, tình cảm đó đã thực sự không còn thì mục đích hôn nhân là hạnh phúc gia đình sẽ không đạt được, sự tồn tại hôn nhân không chỉ trở nên vô nghĩa mà còn trở thành gánh nặng cho cả hai phía cần được tháo cởi.... Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị A là có căn cứ, nên áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho vợ chồng ly hôn để giải phóng cho cả hai bên.

Về con chung:

Chị A và anh T có 03 con chung là Phạm Thu H sinh ngày 07/11/2013, Phạm Ngọc H1 sinh 31/10/2015, Phạm Quang T1 sinh 11/5/2018; Quá trình tố tụng, cả chị Anh và anh Tiến đều có nguyện vọng được nuôi 1 hoặc cả 3 con chung; Xác minh tại địa phương thì cả hai đều có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đều có khả năng nuôi con nhưng phía anh T có phần thuận lợi hơn .. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi tốt nhất và tính ổn định trong sự phát triển của con chung, cần căn cứ các Điều 58, 81, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là Phạm Ngọc H1 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao các con chung là Phạm Thu H và Phạm Quang T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lẽ, không bên nào phải góp phí tổn nuôi con cho nhau cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh T, chị A được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên đều khẳng định vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nên Tòa không xét.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Chị A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Lan A được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Giao chị Nguyễn Thị Lan A được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Phạm Ngọc H1 sinh 31/10/2015; Giao anh Phạm Văn Tiến được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung là Phạm Thu H sinh ngày 07/11/2013 và Phạm Quang T1 sinh 11/5/2018; Các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh T, chị A có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Chị Nguyễn Thị Lan A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0047758 ngày 24/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phùng Văn Phong